TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08/7/2019
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh.

2. Ông Nguyễn Tiến Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1979, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 04/4/2019, lời khai của chị Nguyễn Thị N trong quá trình tố tụng: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tiến T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông vào năm 2009. Trong cuộc sống vợ chồng, chị N và anh T thường xuyên cải nhau, không tôn trọng nhau, không cùng quan điểm sống, hôn nhân không đạt được nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 26/5/2010, hiện nay cháu Bin đang sống chung với anh T và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16/3/2014, hiện nay cháu K đang sống chung với chị

N nên chị N có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đăng K. Chị N đồng ý giao cháu Nguyễn Gia B cho anh T là người trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu.

Về tài sản chung và công nợ: Không có.

- *Theo nội dung lời trình bày của anh Nguyễn Tiến T trong quá trình tố tụng:* Anh T đồng ý với lời khai của chị N về hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay chị N yêu cầu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh T đồng ý giao cháu Nguyễn Đăng K cho chị N là người trực tiếp nuôi; anh T có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Gia B cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 228; Điều 266; Điều 267 và Điều 238 của BLTTDS. Áp dụng: các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N. Giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/5/2010 cho anh T; giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16/3/2014 cho chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập.

- Về tài sản và nợ: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Tiến T có địa chỉ tại Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N và bị đơn là anh Nguyễn Tiến T, trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án. Ngày 15/5/2019, chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ngày 31/5/2019 anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tiến T.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; ngày 31/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thông báo cho chị N biết toàn bộ nội dung kết quả mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tiến T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hay va chạm lời nói, sống không có trách nhiệm và không tôn trọng nhau, nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T cũng đồng ý ly hôn.

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã phát sinh từ lâu, hai bên không có tiếng nói chung, hiện nay anh T và chị N đã ly thân thể hiện việc không có trách nhiệm với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

[6] Về con chung: Các đương sự đồng ý, chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16/3/2014; anh Nguyễn Tiến T là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/5/2010 cho đến khi các cháu đủ tuổi, trưởng thành.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Hiện nay, cháu Nguyễn Gia B đã trên 07 tuổi. Trong quá trình tố tụng, cháu Bin có nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Tiến T.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là là đúng với quy định của pháp luật, cần giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16/3/2014 cho chị N; giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/5/2010 cho anh T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 228; Điều 266; Điều 267 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/5/2010 cho anh Nguyễn Tiến T; giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16/3/2014 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ.

4. Về án phí : Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003467 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Mận